

BÀN VỀ TƯ CÁCH CHỦ THỂ CỦA HỘ KINH DOANH DO MỘT CÁ NHÂN LÀM CHỦ VÀ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

*Đỗ Mạnh Phương**

Tóm tắt: Bài viết nghiên cứu, phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật về tư cách chủ thể của hộ kinh doanh do một cá nhân làm chủ và doanh nghiệp tư nhân, từ đó chỉ ra những điểm hạn chế, bất cập của pháp luật và đề xuất các giải pháp hoàn thiện.

Abstract: The article studies, analyzes and evaluates the legal provisions on the status of business households owned by an individual and private enterprises, thereby pointing out the limitations and inadequacies of the law, and makes proposals for legal improvement.

Pháp luật Việt Nam ghi nhận và bảo đảm quyền tự do kinh doanh của cá nhân. Tuy nhiên, thay vì ghi nhận mô hình cá nhân kinh doanh theo thông lệ quốc tế, pháp luật Việt Nam lại ghi nhận hai mô hình: Doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh do một cá nhân làm chủ.

1. Tư cách chủ thể của hộ kinh doanh do một cá nhân làm chủ và doanh nghiệp tư nhân theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành

Hình thức cá nhân kinh doanh lần đầu tiên được ghi nhận ở Việt Nam trong Nghị định số 68/HĐBT ngày 02/3/1992 với tên gọi cá nhân kinh doanh, nhóm kinh doanh có vốn thấp hơn vốn pháp định (Nghị định số 68/HĐBT). Sau khi Nghị định số 68/HĐBT được thay thế bởi Nghị định số 02/2000/NĐ-CP ngày 03/02/2000 về đăng ký kinh doanh (Nghị định số 02/2000/NĐ-CP), tên gọi cá nhân kinh doanh, nhóm kinh doanh được thay thế bằng tên gọi chung là hộ kinh doanh cá thể¹. Theo quy định của

pháp luật, hộ kinh doanh có thể do một hộ gia đình hoặc một cá nhân làm chủ². Vấn đề đặt ra là quy chế pháp lý về hộ kinh doanh do một cá nhân làm chủ có sự khác biệt gì so với mô hình doanh nghiệp tư nhân hay không? Nội dung sau đây sẽ nghiên cứu và làm rõ điều đó.

Thứ nhất, sự độc lập về tài sản và chế độ chịu trách nhiệm

Doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh do một cá nhân làm chủ không có sự độc lập (tách bạch) về tài sản với chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ hộ kinh doanh, điều đó thể hiện ở các quy định về kê khai vốn, chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn và tăng giảm vốn. Chính vì không có sự độc lập, sự tách bạch về tài sản nên cả chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ hộ kinh doanh đều phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về nghĩa vụ tài sản của doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh.

Thứ hai, về tư cách pháp nhân

* TS., Khoa Luật, Học viện Ngân hàng.

¹ Tên gọi hộ kinh doanh cá thể được sử dụng đến năm 2006, tên gọi hộ kinh doanh được quy định lần đầu trong Nghị định số 88/2006/NĐ-CP và được sử dụng cho đến nay.

² Nghị định số 88/2006/NĐ-CP và Nghị định số 43/2010/NĐ-CP quy định hộ kinh doanh có thể do một cá nhân, một hộ gia đình hoặc một nhóm người làm chủ.

Nếu như doanh nghiệp tư nhân là loại hình doanh nghiệp duy nhất theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 không có tư cách pháp nhân, hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 về đăng ký doanh nghiệp (Nghị định số 01/2021/NĐ-CP) cũng được xác định là tổ chức không có tư cách pháp nhân. Doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh được thành lập (đăng ký) hợp pháp, nhưng không đáp ứng được các điều kiện về cơ cấu tổ chức và tài sản độc lập theo quy định tại các điểm b, c khoản 1 Điều 74 Bộ luật Dân sự năm 2015³ nên không có tư cách pháp nhân.

Thứ ba, về một số hạn chế đối với chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ hộ kinh doanh

Đối với chủ doanh nghiệp tư nhân, theo quy định tại Điều 188 Luật Doanh nghiệp năm 2020: “*Mỗi cá nhân chỉ được quyền thành lập một doanh nghiệp tư nhân. Chủ doanh nghiệp tư nhân không được đồng thời là chủ hộ kinh doanh, thành viên hợp danh của công ty hợp danh*”. Đối với chủ hộ kinh doanh, theo quy định tại Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, mỗi cá nhân chỉ được đăng ký một hộ kinh doanh trong phạm vi toàn quốc, một cá nhân đã đăng ký hộ kinh doanh không được đồng thời là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh⁴. Những hạn chế đối với chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ hộ kinh doanh mặc dù được quy định ở những văn bản khác nhau, nhưng có nội dung tương

đồng và đều xuất phát từ tính chịu trách nhiệm vô hạn của chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ hộ kinh doanh.

Thứ tư, về quy mô hoạt động

Trước khi Nghị định số 01/2021/NĐ-CP được ban hành và có hiệu lực, quy mô hoạt động của hộ kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân được phân biệt với nhau ở quy định về địa điểm kinh doanh và số lượng người lao động của hộ kinh doanh⁵. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 79 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, hộ kinh doanh không còn bị giới hạn về địa điểm kinh doanh và số lượng người lao động. Thực tế hộ kinh doanh thường có quy mô nhỏ hơn doanh nghiệp tư nhân, nhưng ở thời điểm hiện tại, pháp luật không có quy định giới hạn quy mô của hộ kinh doanh so với doanh nghiệp tư nhân.

Về mặt nguyên tắc, khi pháp luật đã ghi nhận những loại hình chủ thể kinh doanh khác nhau, phải tạo lập quy chế pháp lý khác nhau cho các loại hình chủ thể kinh doanh đó. Trong khi đó, những phân tích trên cho thấy, không có sự khác biệt về quy chế pháp lý giữa doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh. Thực trạng đó đòi hỏi cần phải có sự trao đổi, bàn luận thêm về quy chế pháp lý đối với doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh.

2. Tư cách chủ thể của hộ kinh doanh do một cá nhân làm chủ và doanh nghiệp tư nhân theo quy định của Bộ luật Dân sự

Là các tổ chức không có tư cách pháp nhân, tư cách chủ thể của doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh được xác định theo Điều 101 Bộ luật Dân sự năm 2015 với quy

³ Vấn đề: Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập được quy định là một trong những điều kiện để một tổ chức có tư cách pháp nhân. Tuy nhiên, nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập là điều kiện để có tư cách pháp nhân hay là hệ quả của việc có tư cách pháp nhân còn là vấn đề cần phải trao đổi, bàn luận thêm.

⁴ Xem thêm: Khoản 2, khoản 3 Điều 80 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP.

⁵ Điều 17 Nghị định số 02/2000/NĐ-CP; Điều 24 Nghị định số 109/2004/NĐ-CP; Điều 36 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP; Điều 49 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP; Điều 66 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP.

định: “Trường hợp hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân tham gia quan hệ dân sự thì các thành viên của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân là chủ thể tham gia xác lập, thực hiện giao dịch dân sự hoặc ủy quyền cho người đại diện tham gia xác lập, thực hiện giao dịch dân sự. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Khi có sự thay đổi người đại diện thì phải thông báo cho bên tham gia quan hệ dân sự biết”. Với giải trình của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong Báo cáo số 1002/BC-UBTVQH13 về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Bộ luật Dân sự, có thể hiểu theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự phải có đầy đủ quyền, nghĩa vụ chủ thể, phải chịu trách nhiệm về việc tham gia quan hệ dân sự của mình. Vì vậy, chỉ có cá nhân và pháp nhân là chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự. Hộ gia đình, tổ hợp tác và các tổ chức khác không có tư cách pháp nhân không phải là chủ thể của quan hệ dân sự. Tùy thuộc vào từng quan hệ dân sự, việc tham gia của các chủ thể này được thực hiện thông qua các thành viên của hộ gia đình, tổ hợp tác và các tổ chức khác không có tư cách pháp nhân.

Sau khi Bộ luật Dân sự năm 2015 được ban hành và có hiệu lực, một số lĩnh vực pháp luật chuyên ngành đã có những quy định theo hướng không ghi nhận tư cách chủ thể của tổ chức không có tư cách pháp nhân. Ví dụ, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN với quy định tổ chức tín dụng chỉ được cho vay với cá nhân và pháp nhân⁶; Thông tư số 32/2016/TT-NHNN với quy định về chủ thể được mở và sử dụng tài

khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng không bao gồm tổ chức không có tư cách pháp nhân⁷; Luật Doanh nghiệp năm 2020 với quy định cấm tổ chức không có tư cách pháp nhân thành lập và quản lý doanh nghiệp và cấm doanh nghiệp tư nhân góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp⁸.

Tuy nhiên, trong Kết luận kiểm tra số 05/KL-KTrVB của Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp về Thông tư số 32/2016/TT-NHNN ngày 16/12/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19/8/2014 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, Bộ Tư pháp cho rằng, Bộ luật Dân sự năm 2015 không nên được giải thích là hạn chế chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự ở cá nhân và pháp nhân, tổ chức không có tư cách pháp nhân vẫn có tư cách chủ thể tham gia quan hệ pháp luật dân sự. Thực trạng trên cho thấy sự lúng túng, mâu thuẫn giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc ban hành quy định pháp luật về vấn đề này.

Về mặt lý luận, chủ thể pháp luật tồn tại dưới hai hình thức là tổ chức và cá nhân, trong đó tổ chức có thể có hoặc không có tư cách pháp nhân⁹. Pháp luật đã ghi nhận sự

⁷ Thông tư số 32/2016/TT-NHNN sau đó được thay thế bởi Thông tư số 02/2019/TT-NHNN theo yêu cầu tại Kết luận kiểm tra số 05/KL-KTrVB của Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật Bộ Tư pháp về Thông tư số 32/2016/TT-NHNN ngày 16/12/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19/8/2014 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

⁸ Điều 3 khoản 2 Điều 17; khoản 4 Điều 188 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

⁹ Nguyễn Tiên Lập, *Quy định mới về chủ thể trong Bộ luật Dân sự 2015: Có đáng để xã hội gánh chịu hậu quả?*, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, <https://thesaigontimes.vn/quy-dinh-moi-ve-chu-the-trong-blds-20>

⁶ Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN.

tồn tại của hộ gia đình, tổ hợp tác và tổ chức khác không có tư cách pháp nhân, thì phải ghi nhận tư cách chủ thể của hộ gia đình, tổ hợp tác và tổ chức khác không có tư cách pháp nhân tương ứng. Tư cách chủ thể của hộ gia đình, tổ hợp tác và tổ chức khác không có tư cách pháp nhân có thể không đầy đủ, việc tham gia vào các quan hệ pháp luật của hộ gia đình, tổ hợp tác và tổ chức khác không có tư cách pháp nhân có thể hạn chế hơn các chủ thể là cá nhân và pháp nhân, nhưng nếu không có tư cách chủ thể, không được phép tham gia vào các quan hệ pháp luật thì sự tồn tại của các chủ thể trên không có ý nghĩa. Chính vì vậy, giải thích của Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp là phù hợp. Tuy nhiên, Cục này không có thẩm quyền giải thích pháp luật. Khi chưa có giải thích chính thức của cơ quan có thẩm quyền, nếu chỉ căn cứ vào câu chữ tại Điều 1 và Điều 101 Bộ luật Dân sự năm 2015 hoàn toàn có thể hiểu doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh không có tư cách chủ thể quan hệ pháp luật dân sự¹⁰. Không có tư cách chủ thể quan hệ pháp luật dân sự, không được đứng tên là chủ thể tham gia xác lập, thực hiện giao dịch dân sự đồng nghĩa với việc doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh không có tư cách chủ thể kinh doanh, không có tư cách thương nhân.

3. Tư cách chủ thể của hộ kinh doanh do một cá nhân làm chủ và doanh nghiệp tư nhân theo Luật Thương mại

Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Thương mại năm 2005: “*Thương nhân bao*

gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh”. Đối với doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh, vấn đề không phải là có tư cách thương nhân hay không, mà là tư cách thương nhân của doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh hay tư cách thương nhân của chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ hộ kinh doanh¹¹.

Nếu chỉ căn cứ vào câu chữ trong các quy định pháp luật có thể khẳng định, tư cách thương nhân là của doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh, bởi những lý do sau:

(i) Theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh là chủ thể kinh doanh chứ không phải chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ hộ kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh được cấp cho doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh chứ không phải cấp cho chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ hộ kinh doanh.

(ii) Theo quy định của pháp luật, chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ hộ kinh doanh có toàn quyền quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh. Tuy nhiên, các quyền và nghĩa vụ trong hoạt động kinh doanh được quy định cho doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh chứ không phải quy định cho chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ hộ kinh doanh. Hơn nữa, trong hoạt động kinh doanh, trong quan hệ với đối tác, chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ hộ kinh doanh nhân danh doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh chứ không phải nhân danh cá nhân.

(iii) Trong quan hệ tố tụng, Luật Doanh nghiệp năm 1999, Luật Doanh nghiệp năm

15-co-dang-de-xa-hoi-phai-ganh-chiu-hau-qua/, truy cập ngày 16/3/2022.

¹⁰ Trương Nhật Quang, *Một số vấn đề liên quan đến chủ thể là tổ chức không có tư cách pháp nhân*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 18 (442), tháng 9/2021.

¹¹ Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Thương mại 2*, Nxb. Tư pháp, 2017, tr. 68-69.

2005 và Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định, chủ doanh nghiệp tư nhân là nguyên đơn, bị đơn hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài hoặc Tòa án trong các tranh chấp liên quan đến doanh nghiệp¹². Đó chính là một trong số các lý do có quan điểm cho rằng, doanh nghiệp tư nhân không có tư cách chủ thể pháp luật, không có tư cách thương nhân¹³. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020: “*Chủ doanh nghiệp tư nhân là người đại diện theo pháp luật, đại diện cho doanh nghiệp tư nhân với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án, đại diện cho doanh nghiệp tư nhân thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật*”. Quy định trên không chỉ dẫn đến nội dung hướng dẫn của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về xác định tư cách tham gia tố tụng của doanh nghiệp tư nhân và chủ doanh nghiệp tư nhân không còn phù hợp, mà còn thể hiện sự thay đổi trong tư duy của các những người soạn thảo Luật Doanh nghiệp trong việc xác định địa vị pháp lý, tư cách chủ thể của doanh nghiệp tư nhân.

Đối với hộ kinh doanh, theo quy định tại Điều 79 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP: “*Trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh thì ủy quyền cho một*

thành viên làm đại diện hộ kinh doanh. Cá nhân đăng ký hộ kinh doanh, người được các thành viên hộ gia đình ủy quyền làm đại diện hộ kinh doanh là chủ hộ kinh doanh”.

Như vậy, theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh là chủ thể tham gia quan hệ tố tụng, chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ hộ kinh doanh chỉ là người đại diện theo pháp luật, đại diện cho doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh khi tham gia vào quan hệ tố tụng.

Theo tác giả, nếu chỉ xem xét các quy định của pháp luật dưới góc độ câu chữ có đủ cơ sở để khẳng định tư cách thương nhân của doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh. Tuy nhiên, nếu xem xét bản chất các quy định của pháp luật, doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh không có tư cách pháp nhân, không có sự độc lập hoàn toàn so với chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ hộ kinh doanh. Thực tế tư cách chủ thể kinh doanh, chủ thể quan hệ pháp luật gắn liền với chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ hộ kinh doanh chứ không gắn với doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh; các quyền, nghĩa vụ cụ thể được quy định đối với doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh, nhưng thực chất đều là các quyền, nghĩa vụ của chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ hộ kinh doanh. Chính vì vậy, có quan điểm cho rằng, cần phải kết dính tư cách chủ thể kinh doanh vào tư cách pháp lý của chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ hộ kinh doanh, từ đó xác định tư cách thương nhân của chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ hộ kinh doanh chứ không phải của doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh¹⁴. Quan điểm trên rất đáng lưu tâm bởi ý nghĩa thực chất của các quy định về tư cách chủ thể,

¹² Trên thực tế việc áp dụng pháp luật đối với vấn đề này cũng không thống nhất, có Tòa án xác định doanh nghiệp tư nhân là nguyên đơn, bị đơn hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có Tòa án xác định chủ doanh nghiệp tư nhân là nguyên đơn, bị đơn hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Chính vì vậy, ngày 25/9/2020 Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã có Hướng dẫn số 29/HD-VKSTC theo đó hướng dẫn áp dụng thống nhất chủ thể tham gia tố tụng là chủ doanh nghiệp tư nhân.

¹³ Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Thương mại 2*, Nxb. Tư pháp, 2017, tr. 69.

¹⁴ Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Thương mại 2*, Nxb. Tư pháp, 2017, tr. 68-69.

quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh và hơn nữa là quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về tư cách chủ thể của tổ chức không có tư cách pháp nhân như đã phân tích ở trên.

Những phân tích trên cho thấy, theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, tư cách chủ thể, tư cách thương nhân của doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh chưa được xác định rõ ràng. Địa vị pháp lý, tư cách chủ thể kinh doanh, tư cách thương nhân của doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh không có sự tách bạch với quyền, nghĩa vụ, tư cách chủ thể của chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ hộ kinh doanh. Điều đó dẫn đến cách hiểu doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh thực chất chỉ là hình thức, là cái “áo khoác” được pháp luật khoác lên vai chủ thể kinh doanh có bản chất là các cá nhân kinh doanh.

4. Kết luận

Sự tồn tại của mô hình hộ kinh doanh tại Việt Nam có thể được giải thích bởi các đặc thù về lịch sử, văn hoá của một quốc gia đi lên từ nền sản xuất nông nghiệp, từ mô hình kinh tế hộ gia đình. Tuy nhiên, lý giải trên chỉ phù hợp với mô hình hộ kinh doanh do một hộ gia đình làm chủ, mô hình hộ kinh doanh do một cá nhân làm chủ không phù hợp với lịch sử, văn hoá của Việt Nam và lại càng không phù hợp với thông lệ quốc tế. Chính vì vậy, đã đến lúc các nhà làm luật Việt Nam cần trả hình thức cá nhân kinh doanh về với đúng tên gọi của nó.

Như đã phân tích, việc bỏ cụm từ “*chủ thể khác*” tại Điều 1 Bộ luật Dân sự năm 2015 và không quy định theo hướng mặc định tư cách chủ thể của hộ gia đình, tổ hợp tác và tổ chức khác không có tư cách pháp nhân tại Điều 101 Bộ luật Dân sự năm 2015 đã dẫn đến cách hiểu, giải thích khác nhau

về tư cách chủ thể của hộ kinh doanh và doanh nghiệp tư nhân. Để khắc phục những hạn chế, bất cập của pháp luật, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần sớm sửa đổi Bộ luật Dân sự hoặc ban hành văn bản hướng dẫn thi hành theo hướng ghi nhận tư cách chủ thể trong quan hệ dân sự của hộ gia đình, tổ hợp tác và các tổ chức khác không có tư cách pháp nhân.

Quy chế pháp lý về doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và văn bản hướng dẫn thi hành qua các thời kỳ chưa có sự phân định rõ ràng về địa vị pháp lý, quyền, nghĩa vụ giữa doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh với chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ hộ kinh doanh. Điều đó dẫn đến những cách hiểu khác nhau về tư cách chủ thể, tư cách thương nhân của doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh. Khi đã ghi nhận doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh là các loại hình chủ thể kinh doanh, thì việc ghi nhận tư cách chủ thể, tư cách thương nhân của doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh là điều cần thiết. Quy định chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ hộ kinh doanh phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản với các nghĩa vụ tài sản của doanh nghiệp và hộ kinh doanh, cũng như có toàn quyền trong việc quản lý, điều hành doanh nghiệp và hộ kinh doanh là phù hợp. Tuy nhiên, pháp luật cần xác định cụ thể vị trí pháp lý, tư cách chủ thể của doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh. Ngược lại, nếu thấy rằng việc tách biệt về tư cách chủ thể, tư cách thương nhân giữa doanh nghiệp tư nhân và hộ kinh doanh với chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ hộ kinh doanh là không phù hợp, nhà làm luật nên cân nhắc về đề xuất loại bỏ các mô hình doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh và trả về với đúng bản chất là cá nhân kinh doanh theo thông lệ quốc tế.